

Số: 1369595

|                                            | Kia New Carnival 2.2D Luxury 8S         | Kia Carnival 2.2D Premium (8 chỗ) |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.299.000.000đ</b>                   | <b>1.279.000.000đ</b>             |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                         |                                   |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 5155 x 2010 x 1775                      | 5155 x 1995 x 1775                |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 3090                                    | 3090                              |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5800                                    | 5800                              |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 172                                     | 172                               |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 2070                                    | 2080                              |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2790                                    | 2800                              |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 1139 - 4110                             | 1139 - 4110                       |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 72                                      | 72                                |
| Số chỗ ngồi                                | 8                                       | 8                                 |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                        | SX-LR trong nước                  |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                         |                                   |
| Loại động cơ                               | Smartstream D2.2                        | Smartstream D2.2                  |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2151                                    | 2151                              |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 199 / 3800                              | 199 / 3800                        |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 440 / 1750-2750                         | 440 / 1750-2750                   |
| Hộp số                                     | 8AT                                     | 8AT                               |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                         | Cầu trước (FWD)                   |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson                              | Mc Pherson                        |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                        | Liên kết đa điểm                  |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                     | Đĩa                               |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                     | Đĩa                               |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                              | 235/55 R19                        |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7.8                                     | 8.86                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.7                                     | 5.87                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.5                                     | 6.98                              |
| Chế độ lái                                 | Normal/Eco/Sport/Smart                  | Normal/Eco/Sport/Smart            |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                         |                                   |
| Cụm đèn trước                              | LED                                     | LED Projector                     |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                       | ●                                 |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                       | ●                                 |
| Cụm đèn sau                                | Halogen                                 | LED                               |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                       | ●                                 |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                       | ●                                 |
| Trang bị khác                              | Baga mui, Cốp điện, Cửa hông trượt điện |                                   |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                         |                                   |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                       | ●                                 |
| Chất liệu ghế                              | Da                                      | Da                                |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                       | ●                                 |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                                       |                                   |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                                       | ●                                 |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | 4.2                                     | 12.3                              |
| Màn hình giải trí trung tâm                | 12.3                                    | 12.3                              |

|                                         |             |               |
|-----------------------------------------|-------------|---------------|
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto      | Không dây   | ●             |
| Hệ thống điều hòa tự động               | ●           | ●             |
| Số vùng khí hậu điều hòa                | 3           | 3             |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                | Hàng 2 và 3 | ●             |
| Chìa khóa thông minh                    | ●           | ●             |
| Khởi động nút bấm                       | ●           | ●             |
| Khởi động từ xa                         | ●           | ●             |
| Hệ thống âm thanh                       | 6 loa       | 6 loa         |
| Phanh đỗ điện tử                        | ●           | ●             |
| Giữ phanh tự động Autohold              | ●           | ●             |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX              | ●           | ●             |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |             |               |
| Số túi khí                              | 8           | 7             |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●           | ●             |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●           | ●             |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●           | ●             |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●           | ●             |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●           | ●             |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●           | ●             |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & Sau | Trước & Sau   |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●           | ●             |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●           | ●             |
| Camera lùi                              | ●           | ●(Camera 360) |